

Số: /SKHCN-VP

V/v hướng dẫn đề xuất đặt hàng
nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng
NSNN bắt đầu thực hiện từ năm 2023

Hung Yên, ngày tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh;
- Các trường đại học, cao đẳng, viện và trung tâm nghiên cứu;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh.

Thực hiện Công văn số 683/BKHCN-KHTC ngày 31/3/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Công văn số 876/UBND-KGVX ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2023,

Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên hướng dẫn các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, hội cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các trường đại học, cao đẳng; viện, trung tâm nghiên cứu KH&CN; doanh nghiệp KH&CN, tổ chức KH&CN; các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN trong và ngoài tỉnh (*sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương*) căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động và tình hình thực tế, những vấn đề của ngành, địa phương cần giải quyết để đề xuất UBND tỉnh Hưng Yên đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2023, cụ thể như sau:

I. Định hướng trọng tâm các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2023

1. Định hướng chung

Nhiệm vụ KH&CN được xây dựng, đề xuất bắt đầu thực hiện từ năm 2023 đáp ứng các tiêu chí, quy trình thủ tục quy định tại Luật KH&CN năm 2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật KH&CN; Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước và bám sát mục tiêu và nội dung các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành:

- Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe Việt Nam;

- Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chỉ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;
- Công văn số 683/BKHCN-KHTC ngày 31/3/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2023;
- Chương trình hành động số 43-CTr/TU ngày 18/9/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07/01/2021 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020- 2025;
- Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 06/8/2021 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;
- Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 04/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về thực hiện Kết luận số 11-KL/TW ngày 13/7/2021 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025;
- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 28/6/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển giao thông, vận tải tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 08/10/2021 của Tỉnh ủy về Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 21-NQ/TU ngày 24/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển thành phố Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 24/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án phát triển tổng thể kinh tế- xã hội vùng bãi sông Hồng, sông Luộc tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 188-KH/TU ngày 04/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 340/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 của HĐND tỉnh Hưng Yên về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;

- Các Quyết định của UBND tỉnh: số 2260/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2025; số 816/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 ban hành Kế hoạch thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào tỉnh Hưng Yên trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 1221/QĐ-UBND ngày 26/5/2021 phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025; số 2209/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ tỉnh Hưng Yên đến năm 2030;

- Các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 129/KH-UBND ngày 17/10/2019 thực hiện Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh; số 142/KH-UBND ngày 16/9/2021 về hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

2. Định hướng theo lĩnh vực

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Nghiên cứu chọn tạo, phục tráng, chuyển giao và phát triển các giống cây trồng chủ lực có năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu theo định hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng và phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh. Nghiên cứu hoàn thiện các quy trình thâm canh tổng hợp; quản lý sâu bệnh phục vụ sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí đầu vào trên một đơn vị diện tích, phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp hữu cơ;

- Nghiên cứu chọn tạo giống vật nuôi chủ lực phù hợp với vùng sinh thái và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; ứng dụng công nghệ tiên tiến và kỹ thuật chăn

nuôi an toàn dịch bệnh, an toàn sinh học; nghiên cứu tạo các chế phẩm sinh học, thức ăn và thức ăn bổ sung trong chăn nuôi; phát triển công thức chế biến và sử dụng có hiệu quả nguồn thức ăn sẵn có, nguồn phụ phẩm nông nghiệp và công nghiệp phục vụ phát triển chăn nuôi bền vững;

- Nghiên cứu phát triển và làm chủ công nghệ chọn tạo giống bố mẹ và kỹ thuật nhân một số giống thủy sản sạch bệnh, thích nghi với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu quy trình phòng trừ bệnh tổng hợp phục vụ nuôi trồng thủy sản, đảm bảo an toàn dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm; ứng dụng quy trình công nghệ tiên tiến nuôi thâm canh, nuôi công nghiệp một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao;

- Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH&CN, nhất là công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp chính xác, nông nghiệp thông minh, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Thực hiện các giải pháp để tận dụng tối đa cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, công nghệ sinh học... Tổ chức sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo hướng an toàn, hữu cơ, hàng hóa quy mô lớn theo các tiêu chuẩn VietGAP, VietGAPH, GlobalGAP,... hình thành mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi khép kín ứng dụng công nghệ cao; kinh tế tuần hoàn gắn với các sản phẩm OCOP của địa phương, các sản phẩm đã được bảo hộ tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận,...); chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp gắn với các vùng sản xuất chuyên canh, thâm canh nông nghiệp tập trung của tỉnh.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng

- Nghiên cứu, phát triển, đổi mới và ứng dụng công nghệ thuộc Danh mục ưu tiên nghiên cứu, phát triển, ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ban hành kèm theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ theo hướng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thân thiện môi trường, có khả năng tạo hiệu quả kinh tế, hàm lượng khoa học, công nghệ cao;

- Nghiên cứu, thiết kế, chuyển giao, đổi mới công nghệ chế tạo các sản phẩm cơ khí, sản phẩm cơ điện tử, thiết bị tự động điều khiển các quá trình sản xuất nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu; phát triển thương mại dịch vụ theo hướng tăng nhanh hàm lượng công nghệ, giảm mức tiêu hao năng lượng và vật tư nguyên liệu trong sản xuất sản phẩm;

- Nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới, ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, thân thiện môi trường; triển khai nghiên cứu áp dụng các công nghệ sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

- Nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thiết bị sơ chế, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp nhằm nâng cao chất lượng, giá trị và giá thành sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; ứng dụng

hiệu quả các tiến bộ KH&CN trong xử lý phụ phẩm, chất thải trong sản xuất nông nghiệp;

- Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, đổi mới sáng tạo thúc đẩy năng suất của doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chương trình đổi mới công nghệ quốc gia, phát triển sản phẩm quốc gia, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, phát triển tài sản trí tuệ, thị trường KH&CN của tỉnh; giải pháp hình thành và phát triển Quỹ phát triển KH&CN tại doanh nghiệp; phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp KH&CN; ứng dụng các giải pháp năng suất xanh và phát triển cộng đồng nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Nghiên cứu, ứng dụng các kỹ thuật công nghệ (công nghệ thông tin, thiết bị cảm biến, điều khiển, điện tử, tin học và viễn thông,...) trong lĩnh vực giao thông để điều hành và quản lý hệ thống giao thông vận tải thông minh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay;

- Hỗ trợ, phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản, công nghệ sau thu hoạch, công nghiệp phụ trợ,... đặc biệt, hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu các sản phẩm nông sản chủ lực, dược liệu, thủ công mỹ nghệ của tỉnh như: Nhãn lồng, vải lai chín sớm, vải trứng, chuối tiêu hồng, cam, nghệ, đúc đồng, chạm bạc, mộc,... ứng dụng, làm chủ công nghệ, kết nối cung - cầu, thương mại điện tử nhằm mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2.3. Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến củng cố, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; các vấn đề liên quan đến mô hình, giải pháp phát triển kinh tế nhanh và bền vững; cơ chế và giải pháp quản lý, sử dụng và phát huy tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển; các giải pháp về phát triển y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Nghiên cứu bảo tồn, khai thác, phát huy di tích lịch sử, các giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể; các giá trị đạo đức, truyền thống tốt đẹp của địa phương; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, các giải pháp khoa học thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

- Trong công tác quản lý nhà nước, ưu tiên các nhiệm vụ liên quan đến các giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo, hiệu lực quản lý, điều hành của các cấp chính quyền trong tỉnh; thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); điều tra, khảo sát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực KH&CN; tính toán chỉ tiêu năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), chỉ số đổi mới sáng tạo (GII), công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý công việc;...

2.4. Lĩnh vực y tế, môi trường, công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- Nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ KH&CN hiện đại trong dự báo, chẩn đoán và điều trị các bệnh truyền nhiễm, nguy hiểm. Ưu tiên các nhiệm vụ trong phòng, trị dịch bệnh Covid-19 và các biến thể mới (nếu có); điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp phòng, trị các bệnh liên quan đến triệu chứng hậu Covid-19 đã được Bộ Y tế cảnh báo; các bệnh dịch mới phát sinh, bệnh do yếu tố môi trường; ứng dụng công nghệ mới trong phẫu thuật; sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguồn dược liệu tại địa phương; nghiên cứu và phát triển các phương pháp kết hợp giữa y học hiện đại, y học cổ truyền trong chẩn đoán, điều trị và phòng bệnh. Phát triển các giống cây dược liệu mới, từng bước hình thành vùng trồng quy mô lớn, ứng dụng công nghệ sơ chế, chế biến, bảo quản cây dược liệu của tỉnh. Đa dạng hóa các sản phẩm dược chế biến từ cây dược liệu của địa phương theo quy mô công nghiệp, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, các tiêu chuẩn của Bộ Y tế đã ban hành;

- Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp KH&CN bảo vệ môi trường, giải quyết ô nhiễm môi trường do các hoạt động chế biến, tái chế, sản xuất kinh doanh tại một số làng nghề, doanh nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; xử lý các nguồn chất thải gây ô nhiễm trong sản xuất, y tế và sinh hoạt; phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, bảo vệ môi trường;

- Nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu số, hạ tầng số làm nền tảng phục vụ phát triển và ứng dụng công nghệ chủ chốt để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nghiên cứu các mô hình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và triển khai mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp theo định hướng chuyển đổi số, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về chính sách phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh, tài chính - ngân hàng số; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; y tế kết nối số; giáo dục và đào tạo thông minh.

2.5. Lĩnh vực an ninh, quốc phòng

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng KH&CN trong xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề về đảm bảo an ninh và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm truyền thống và phi truyền thống; các giải pháp xã hội hóa phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; bảo đảm an toàn giao thông, an ninh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai do biến đổi khí hậu; giải pháp tăng cường bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống dữ liệu, mạng chuyên dùng của tỉnh.

*** Lưu ý:** Ngoài những vấn đề định hướng chung, định hướng cụ thể từng lĩnh vực nêu trên, các sở, ban, ngành, hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động căn cứ tình hình, những vấn đề phát sinh trong thực tiễn của ngành, địa phương cần giải quyết để đề xuất các nhiệm vụ KH&CN phù hợp, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

3. Định hướng về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước sau khi được đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên và thanh lý hợp đồng phải được ứng dụng trong thực tế như mục tiêu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà cơ quan có thẩm quyền ký trong hợp đồng.

II. Thời hạn gửi đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2023

Dự kiến trong tháng 5/2022, Sở KH&CN Hưng Yên sẽ tổng hợp, đề xuất danh mục các nhiệm vụ KH&CN trình Hội đồng KH&CN tỉnh thảo luận, cho ý kiến; thành lập các Hội đồng tư vấn KH&CN chuyên ngành để xác định từng nhiệm vụ và tổng hợp trình UBND tỉnh Hưng Yên đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2023.

Do vậy, để đảm bảo trình tự, thủ tục và tiến độ xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định, Sở KH&CN Hưng Yên đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Công văn và Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2023 (theo mẫu tại Phụ lục gửi kèm Công văn này hoặc trên Cổng Thông tin điện tử của Sở KH&CN) về Văn phòng Sở để tổng hợp.

- Thời hạn nhận đề xuất (nộp trực tiếp, qua bưu điện hoặc hệ thống quản lý văn bản và điều hành các cơ quan tỉnh Hưng Yên): **Chậm nhất đến 16h00' ngày 04 tháng 5 năm 2022.**

- Địa chỉ nhận phiếu đề xuất: Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên

Đường An Vũ, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Khi cần thêm thông tin chi tiết, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương tham khảo trên Cổng thông tin điện tử Sở KH&CN Hưng Yên (khcnhungyen.gov.vn) hoặc liên hệ với Phó Chánh Văn phòng Sở (SĐT: 094.2200.232) để được cung cấp thông tin và giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh (để b/c)
- Giám đốc Sở, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Sở (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP^{XT}.

GIÁM ĐỐC

Trần Tùng Chuẩn

PHỤ LỤC: Các mẫu Phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước bắt đầu thực hiện từ năm 2023

(Kèm theo Công văn số /SKHCN-VP ngày 14 tháng 4 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ Hưng Yên)

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2023**
(Dùng cho đề tài hoặc đề án)

1. Tên Đề tài/Đề án:.....
Cá nhân/tổ chức đề xuất:; Số ĐT:
Địa chỉ cá nhân, tổ chức đề xuất:.....
2. Căn cứ đề xuất (giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 03/2017/TT-BKHCN Quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước):
.....
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v...
.....
4. Mục tiêu:
5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:
.....
6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:
.....
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:
.....
8. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:
.....
9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:.....

....., ngày tháng năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2023
(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)

1. Tên dự án khoa học và công nghệ (KH&CN).....
 Cá nhân/tổ chức đề xuất:; Số ĐT:
 Địa chỉ cá nhân, tổ chức đề xuất:
2. Xuất xứ hình thành: *(nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v.....
4. Mục tiêu:
5. Nội dung KH&CN chủ yếu: *(mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một đề tài, hoặc dự án sản xuất thử nghiệm)*
6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:.....
7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:.....
9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:

10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:.....
11. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*.....
12. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:
 - 12.1 Hiệu quả kinh tế - xã hội: *(cần làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*
 - 12.2 Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(tác động đối với lĩnh vực KH&CN liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*

....., ngày tháng năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH
SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2023
(Dùng cho dự án sản xuất thử nghiệm)

1. Tên dự án sản xuất thử nghiệm:
 Cá nhân/tổ chức đề xuất:; Số ĐT:
 Địa chỉ cá nhân, tổ chức đề xuất:
2. Xuất xứ hình thành: *(từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài có khả năng ứng dụng,..)*.....
3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh v.v...:

4. Mục tiêu:
5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả:

6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:

7. Nhu cầu thị trường: *(Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)*

8. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

9. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:

10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra:
(Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)

11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

....., ngày tháng năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.